

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ - ST
Ngày 31 - 3 - 2022
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bảo Hiên.

Ông Quách Văn Vệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Huỳnh Văn Lợi là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2022/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp B, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11 tháng 02 năm 2022; biên bản hoà giải ngày 23 tháng 3 năm 2022 nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày: Chị và anh Võ Văn T kết hôn với nhau năm 1987, trên tinh thần tự nguyện tuy nhiên không có đăng ký kết

hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm thương yêu lẫn nhau. Hiện nay chị và anh T đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn T. Về con chung: Chị và anh T có ba người con chung tên Võ Cẩm T, sinh năm 1988; Võ Ngọc H, sinh năm 1990 và Võ Hoài A, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 23 tháng 3 năm 2022 bị đơn anh Võ Văn T trình bày: Về phần hôn nhân anh và chị L kết hôn với nhau năm 1987, tuy nhiên không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng hiện nay không còn hạnh phúc, thường hay cự cãi, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị Lê Thị L.

Về con chung: Có ba người con chung tên Võ Cẩm T, sinh năm 1988; Võ Ngọc H, sinh năm 1990 và Võ Hoài A, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022 chị Lê Thị L và anh Võ Văn T có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt thể hiện: Vẫn bảo lưu các ý kiến đã yêu cầu, trình bày. Hiện nay vì điều kiện công việc nên anh, chị đề nghị Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh chị vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Lê Thị L và anh Võ Văn T Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Lê Thị L và anh Võ Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh T tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Võ Văn T được xác lập trên tinh thần tự nguyện, anh chị đều xác định kết hôn với nhau năm 1987 tuy nhiên không có đăng lý kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm, thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hàn gắn tuy nhiên vẫn không mang lại kết quả, hiện nay anh chị đã sống ly thân nhiều năm nay. Xét thấy, trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T thực tế phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác anh T đồng ý ly hôn cùng chị L do đó không công nhận chị Lê Thị L và anh Võ Văn T là vợ chồng.

[4] Về con chung: Có ba người con chung tên Võ Cẩm T, sinh năm 1988; Võ Ngọc H, sinh năm 1990 và Võ Hoài A, sinh năm 1992. Hiện nay các con đã trưởng thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng. Chị L đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Lê Thị L, anh Võ Văn T tại phiên tòa. Áp dụng Điều 14, khoản 1 Điều 51; Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không công nhận chị Lê Thị L và anh Võ Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Hiện nay các con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Lê Thị L phải nộp 300.000 đồng. Chị Lê Thị L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019947 ngày 11/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện N;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Tỷ

